



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	Nam	01				
2	000002	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	Nam	01				
3	000003	0810120889	Phạm Ngọc	Bang	09/08/2002	NH8A	Nam	01				
4	000004	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	Nam	01				
5	000005	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	Nam	01				
6	000006	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	Nam	01				
7	000007	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	Nữ	01				
8	000008	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	Nữ	01				
9	000009	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	Nam	01				
10	000010	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	Nam	01				
11	000011	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	Nữ	01				
12	000012	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	Nam	01				
13	000013	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	Nữ	01				
14	000014	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	Nam	01				ĐK
15	000015	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	Nữ	01				
16	000016	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	Nữ	01				
17	000017	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	Nam	01				
18	000018	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	Nữ	01				
19	000019	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	Nam	01				HP
20	000020	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	Nam	01				
21	000021	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	Nam	01				ĐK
22	000022	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	Nữ	01				
23	000023	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	Nữ	01				
24	000024	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	Nam	01				
25	000025	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	Nam	01				
26	000026	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	Nữ	01				
27	000027	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	Nữ	01				
28	000028	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	Nam	01				ĐK
29	000029	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	Nam	01				
30	000030	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	Nữ	01				
31	000031	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	Nữ	01				
32	000032	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	Nam	01				HP
33	000033	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	Nam	01				ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
34	000034	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	Nam	01				ĐK
35	000035	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	Nam	01				HP
36	000036	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	Nam	01				
37	000037	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	Nam	01				
38	000038	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	Nữ	01				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày tháng Năm



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000039	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	Nữ	02				
2	000040	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	Nữ	02				
3	000041	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	Nữ	02				
4	000042	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	Nam	02				
5	000043	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	Nữ	02				
6	000044	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	Nữ	02				
7	000045	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	Nữ	02				
8	000046	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	Nữ	02				
9	000047	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	Nữ	02				
10	000048	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	Nữ	02				
11	000049	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	Nữ	02				
12	000050	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	Nữ	02				
13	000051	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	Nữ	02				
14	000052	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	Nam	02				
15	000053	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	Nữ	02				HP
16	000054	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	Nữ	02				
17	000055	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	Nam	02				
18	000056	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	Nữ	02				
19	000057	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	Nữ	02				
20	000058	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	Nữ	02				
21	000059	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	Nữ	02				HP
22	000060	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	Nữ	02				
23	000061	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	Nam	02				
24	000062	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	Nữ	02				
25	000063	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	Nam	02				
26	000064	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	Nữ	02				
27	000065	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	Nam	02				
28	000066	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	Nam	02				
29	000067	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	Nam	02				
30	000068	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	Nam	02				
31	000069	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	Nam	02				
32	000070	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	Nam	02				
33	000071	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	Nam	02				HP
34	000072	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	Nam	02				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000073	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	Nam	03				
2	000074	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	Nữ	03				
3	000075	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	Nữ	03				
4	000076	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	Nữ	03				
5	000077	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	Nam	03				
6	000078	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	Nữ	03				
7	000079	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	Nữ	03				
8	000080	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	Nam	03				
9	000081	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	Nam	03				
10	000082	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	Nữ	03				
11	000083	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	Nữ	03				
12	000084	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	Nữ	03				
13	000085	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	Nam	03				
14	000086	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	Nữ	03				
15	000087	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	Nam	03				
16	000088	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	Nam	03				
17	000089	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	Nữ	03				
18	000090	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	Nữ	03				HP
19	000091	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	Nam	03				
20	000092	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	Nam	03				
21	000093	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	Nam	03				
22	000094	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	Nam	03				
23	000095	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	Nam	03				
24	000096	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	Nam	03				
25	000097	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	Nam	03				
26	000098	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	Nữ	03				
27	000099	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	Nam	03				
28	000100	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	Nam	03				
29	000101	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	Nam	03				
30	000102	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	Nam	03				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000103	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	Nữ	02				HP
2	000104	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	Nam	03				
3	000105	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	Nam	04				
4	000106	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	Nữ	04				
5	000107	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	Nữ	04				
6	000108	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	Nam	04				
7	000109	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	Nữ	04				
8	000110	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	Nữ	04				
9	000111	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	Nam	04				HP
10	000112	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	Nữ	04				
11	000113	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	Nam	04				
12	000114	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	Nam	04				HP
13	000115	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	Nam	04				
14	000116	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	Nam	04				
15	000117	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	Nam	04				
16	000118	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	Nữ	04				
17	000119	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	Nam	04				HP
18	000120	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	Nam	04				
19	000121	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	Nam	04				
20	000122	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	Nữ	04				
21	000123	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	Nữ	04				
22	000124	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	Nữ	04				
23	000125	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	Nữ	04				
24	000126	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	Nam	04				
25	000127	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	Nữ	04				
26	000128	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	Nam	04				HP
27	000129	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	Nữ	04				
28	000130	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	Nữ	04				
29	000131	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	Nam	04				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000132	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	Nữ	05				
2	000133	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	Nữ	05				
3	000134	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	Nữ	05				
4	000135	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	Nữ	05				
5	000136	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	Nữ	05				
6	000137	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	Nữ	05				
7	000138	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	Nữ	05				
8	000139	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	Nữ	05				
9	000140	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	Nam	05				
10	000141	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	Nữ	05				
11	000142	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	Nữ	05				
12	000143	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	Nữ	05				
13	000144	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	Nữ	05				
14	000145	1001030666	Lý Thu	Phuong	10/09/2004	QT10B	Nữ	05				
15	000146	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	Nam	05				
16	000147	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	Nam	05				
17	000148	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	Nam	05				
18	000149	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	Nam	05				
19	000150	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	Nam	05				HP
20	000151	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	Nam	05				
21	000152	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	Nam	05				
22	000153	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	Nam	05				
23	000154	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	Nam	05				
24	000155	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	Nam	05				
25	000156	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	Nam	05				
26	000157	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	Nam	05				HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000158	0901011003	Nguyễn Thu	Trang		NH9A	Nữ	06				
2	000159	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	Nam	06				ĐK
3	000160	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	Nữ	06				
4	000161	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	Nam	06				
5	000162	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	Nữ	06				
6	000163	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	Nữ	06				
7	000164	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	Nam	06				
8	000165	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	Nam	06				
9	000166	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	Nam	06				
10	000167	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	Nam	06				
11	000168	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	Nữ	06				
12	000169	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	Nam	06				
13	000170	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	Nam	06				
14	000171	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	Nam	06				
15	000172	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	Nam	06				
16	000173	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	Nam	06				
17	000174	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	Nam	06				
18	000175	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	Nam	06				
19	000176	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	Nam	06				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	Nam	07				
2	000002	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	Nam	07				
3	000003	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	Nữ	07				
4	000004	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	Nam	07				
5	000005	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	Nữ	07				
6	000006	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	Nữ	07				HP
7	000007	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	Nữ	07				
8	000008	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	Nữ	07				
9	000009	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	Nữ	07				
10	000010	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	Nam	07				
11	000011	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	Nữ	07				
12	000012	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	Nữ	07				
13	000013	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	Nữ	07				
14	000014	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	Nữ	07				
15	000015	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	Nữ	07				
16	000016	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	Nữ	07				
17	000017	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	Nữ	07				
18	000018	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân Mai		21/12/2004	KD10B	Nữ	07				
19	000019	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	Nữ	07				
20	000020	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	Nữ	07				
21	000021	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	Nữ	07				
22	000022	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	Nữ	07				
23	000023	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	Nữ	07				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000024	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	Nữ	08				
2	000025	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	Nữ	08				
3	000026	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	Nữ	08				HP
4	000027	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	Nam	08				
5	000028	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	Nam	08				
6	000029	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	Nam	08				
7	000030	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	Nam	08				
8	000031	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	Nam	08				
9	000032	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	Nam	08				
10	000033	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	Nam	08				
11	000034	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	Nam	08				
12	000035	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	Nam	08				
13	000036	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	Nữ	08				
14	000037	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	Nữ	08				HP,ĐK
15	000038	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	Nam	08				
16	000039	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	Nữ	08				
17	000040	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	Nữ	08				
18	000041	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	Nữ	08				
19	000042	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	Nữ	08				
20	000043	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	Nam	08				
21	000044	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	Nữ	08				
22	000045	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	Nữ	08				
23	000046	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	Nam	08				
24	000047	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	Nữ	08				
25	000048	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	Nữ	08				
26	000049	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	Nữ	08				
27	000050	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	Nữ	08				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000051	0810210176	Nguyễn Thị Hồng	Viên	23/12/1995	KD8A	Nữ	09				
2	000052	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	Nam	09				
3	000053	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	Nam	09				
4	000054	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	Nam	09				
5	000055	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	Nam	09				
6	000056	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	Nữ	09				
7	000057	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	Nữ	09				
8	000058	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	Nữ	09				
9	000059	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	Nữ	09				
10	000060	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	Nữ	09				
11	000061	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	Nữ	09				
12	000062	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	Nữ	09				
13	000063	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	Nam	09				
14	000064	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	Nam	09				
15	000065	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	Nữ	09				
16	000066	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	TM10A	Nữ	09				
17	000067	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	Nữ	09				HP
18	000068	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	Nữ	09				
19	000069	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	Nữ	09				
20	000070	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	Nam	09				HP
21	000071	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	Nữ	09				
22	000072	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	Nam	09				
23	000073	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	Nam	09				
24	000074	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	Nam	09				
25	000075	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	Nam	09				
26	000076	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	Nam	09				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000077	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	Nam	10				
2	000078	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	Nam	10				HP
3	000079	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	Nữ	10				
4	000080	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	Nữ	10				
5	000081	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	Nữ	10				
6	000082	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	Nữ	10				
7	000083	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	Nữ	10				
8	000084	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	Nam	10				
9	000085	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	Nữ	10				HP
10	000086	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	Nữ	10				
11	000087	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	Nữ	10				
12	000088	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	Nữ	10				
13	000089	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	Nam	10				
14	000090	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	Nữ	10				
15	000091	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	Nữ	10				
16	000092	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	Nữ	10				
17	000093	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	Nữ	10				
18	000094	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	Nam	10				HP
19	000095	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	Nữ	10				
20	000096	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	Nữ	10				
21	000097	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	Nữ	10				
22	000098	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	Nữ	10				
23	000099	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	Nữ	10				
24	000100	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	Nữ	10				
25	000101	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	Nữ	10				
26	000102	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	Nữ	10				
27	000103	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	Nữ	10				
28	000104	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	Nam	10				
29	000105	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	Nam	10				ĐK
30	000106	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	Nam	10				
31	000107	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	Nam	10				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000108	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	Nam	11				
2	000109	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	Nam	11				
3	000110	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	Nam	11				
4	000111	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	Nam	11				
5	000112	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	Nam	11				
6	000113	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	Nam	11				HP
7	000114	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	Nam	11				
8	000115	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	Nữ	11				
9	000116	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	Nữ	11				
10	000117	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	Nam	11				HP
11	000118	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	Nữ	11				
12	000119	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	Nữ	11				
13	000120	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	Nữ	11				
14	000121	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	Nữ	11				
15	000122	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	Nữ	11				
16	000123	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	Nữ	11				
17	000124	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	Nữ	11				
18	000125	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	Nữ	11				
19	000126	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	Nữ	11				
20	000127	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	Nữ	11				
21	000128	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	Nữ	11				
22	000129	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	Nữ	11				
23	000130	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	Nữ	11				
24	000131	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	Nữ	11				
25	000132	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	Nữ	11				
26	000133	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	Nữ	11				
27	000134	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	Nữ	11				
28	000135	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	Nữ	11				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000136	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	Nữ	12				
2	000137	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	Nữ	12				
3	000138	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	Nữ	12				
4	000139	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	Nữ	12				
5	000140	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	Nữ	12				
6	000141	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	Nữ	12				
7	000142	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	Nữ	12				
8	000143	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	Nam	12				
9	000144	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	Nam	12				
10	000145	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	Nữ	12				
11	000146	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	Nữ	12				
12	000147	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	Nữ	12				
13	000148	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	Nữ	12				
14	000149	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10H	Nam	12				HP
15	000150	1001020249	Lê Thị Thu	Phuong	12/08/2004	KD10H	Nữ	12				HP
16	000151	1001021045	Nguyễn Thị	Phuong	20/04/2004	KD10H	Nữ	12				
17	000152	1001020254	Trương Thu	Phuong	25/10/2004	KD10H	Nữ	12				
18	000153	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	Nam	12				
19	000154	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	Nữ	12				
20	000155	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	Nữ	12				
21	000156	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	Nam	12				
22	000157	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	Nam	12				
23	000158	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	Nam	12				
24	000159	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	Nam	12				
25	000160	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	Nam	12				
26	000161	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	Nam	12				
27	000162	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	Nam	12				
28	000163	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	Nam	12				
29	000164	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	Nam	12				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 2